

提前終止勞務契約切結書

Đơn Cam Kết Chấm Dứt Hợp Đồng Lao Động Trước Thời Hạn

1. Thông tin thuyền viên 一、船員資料	姓名 Họ tên	
	國籍 Quốc tịch	
	護照號碼 Số hộ chiếu	
	聯絡方式 (至少填寫 2 項以上) Phương thức liên lạc (Điền ít nhất 2 mục trở lên)	電話號碼Số điện thoại (含國碼 bao gồm mã quốc gia) : What's App(含國碼 bao gồm mã quốc gia) : FB(附上截圖 đính kèm ảnh chụp màn hình) : 其他 Khác :
2. Thông tin Nhà kinh doanh 二、經營者資料	姓名 Họ tên	
	電話 Điện thoại	
	僱用漁船 Thuyền cá được dùng	船名(Tên thuyền) : _____ (CT__ - _____)
三、提出終止契約者 3. Người đề xuất chấm dứt Hợp đồng	<input type="checkbox"/> 經營者 Nhà kinh doanh <input type="checkbox"/> 船員 Thuyền viên	左邊選項不同意見者 說明(無意見免填) Người không cùng ý kiến với mục bên trái giải thích (không có ý kiến thì không cần điền)
四、終止契約原因 4. Nguyên nhân chấm dứt Hợp đồng	<input type="checkbox"/> 經營者經營考量 Nhà kinh doanh xét đến việc kinh doanh <input type="checkbox"/> 船員私人因素 Yếu tố cá nhân của thuyền viên <input type="checkbox"/> 船員因受傷或生病無法工作 Thuyền viên do chân thương hoặc bị bệnh, nên không thể làm việc <input type="checkbox"/> 轉僱他船，至何船：_____ Chuyển sang làm cho thuyền khác, thuyền nào <input type="checkbox"/> 其他因素，須敘明：_____ Yếu tố khác, cần nêu rõ: _____	<input type="checkbox"/> 經營者 Nhà kinh doanh <input type="checkbox"/> 船員 Thuyền viên
五、薪資結清 5. Trả hết tiền lương	<input type="checkbox"/> 已結清Đã trả hết <input type="checkbox"/> 未結清Chưa trả hết 未結清金額如何給付：_____ Số tiền chưa trả hết thanh toán thế nào: _____ 何時給付：_____ Khi nào thanh toán:	<input type="checkbox"/> 經營者 Nhà kinh doanh <input type="checkbox"/> 船員 Thuyền viên
六、返程交通費 6. Phí giao thông trở về	<input type="checkbox"/> 經營者負擔Nhà kinh doanh gánh vác <input type="checkbox"/> 船員負擔Thuyền viên gánh vác <input type="checkbox"/> 其他分擔比例，須敘明：_____ Tỷ lệ gánh vác khác, cần nêu rõ: _____	<input type="checkbox"/> 經營者 Nhà kinh doanh <input type="checkbox"/> 船員 Thuyền viên
七、船員補充事項 7. Hạng mục thuyền viên bổ sung	<input type="checkbox"/> 無 Không có <input type="checkbox"/> 有 Có : _____	

本切結書須在解僱船員返回母國搭機前、轉僱船員完成報備解僱前，將切結書送交漁業署備查。Đơn cam kết này phải được nộp cho Sở ngư nghiệp xem xét trước khi thuyền viên bị chấm dứt việc làm lên máy bay về nước và trước khi thuyền viên được thuyền chuyển hoàn tất quy trình báo cáo chấm dứt việc làm.

船員簽名Thuyền viên ký tên : _____

經營者簽名(授權船長) Nhà kinh doanh ký tên (ủy quyền thuyền trưởng) : _____

協助翻譯人員(Nhân viên hỗ trợ phiên dịch) : _____ 仲介公司(Công ty Môi giới) : _____

簽署日期 Ngày ký kết : _____年 Ngày _____月 tháng _____日 năm

備註：

Ghi chú：

1. 本切結書1式2份，1份交與船員，1份由雇主留存。

Đơn cam kết này 1 bộ làm thành 02 bản, 01 bản giao cho thuyền viên, 01 bản do Chủ thuê lưu giữ.

2. 本切結書約定切結事項不得做不利於船員之變更。

Đơn cam kết này quy định rằng các vấn đề cam kết sẽ không được thay đổi gây bất lợi cho thuyền viên.

3. 如雇主或仲介機構有未依契約給付工資或損害其勞動權益等情事，漁業署將於受理後查處。

Nếu Chủ thuê hoặc Công ty Môi giới không thanh toán tiền lương theo Hợp đồng hoặc gây tổn hại quyền lợi lao động, thì Sở Ngư nghiệp sẽ điều tra và giải quyết vụ việc sau khi thụ lý.

4. 檢舉電話 Điện thoại khiếu nại：

(1) 勞工諮詢申訴專線 Đường dây tư vấn khiếu nại lao động：1955

海外撥打 Nước ngoài gọi:：+886-2-8073-3141

(2) 桃園移工機場服務站 Trạm Phục vụ Lao động Nước ngoài tại sân bay Đào Viên：03-3989002

(3) 高雄移工機場服務站 Trạm Phục vụ Lao động Nước ngoài tại sân bay Cao Hùng：07-8036804

5. 本切結書如有偽造或填寫不實者，依中華民國相關法令核處。

Trường hợp Đơn cam kết này làm giả hoặc điền không đúng sự thật, sẽ xử lý theo pháp lệnh có liên quan của Trung Hoa Dân Quốc.

6. 聯絡方式需填具電話號碼、Whats APP、FB(名字及截圖畫面)或其他聯絡方式等資訊，至少填寫2項。

Phương thức liên lạc cần bao gồm số điện thoại, Whats APP, FB (tên và ảnh chụp màn hình) hoặc thông tin liên hệ khác, điền ít nhất 2 mục.

7. 切結書繳交漁業署方式 Cách nộp đơn cam kết về Sở ngư nghiệp：

(1) 傳真電話 Điện thoại, fax：07-8156735 或 hoặc 07-8153608

(2) 電子信箱 E-mail：sfa001@ms1.fa.gov.tw

(3) 郵寄地址 Địa chỉ gửi thư：80672 高雄市前鎮區漁港北一路1號 (漁業人力組外籍人力科)

Số 1, Đường số 1 Bắc Yugang, Quận Qianzhen, Thành phố Cao Hùng 80672

(Tổ nhân lực ngư nghiệp, Phòng nhân lực nước ngoài)